TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Chúng

Ông Nguyễn Thiện Hoàn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Triệu Thị Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1995; cư trú: Tổ 16, ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1996; cư trú: Tổ 16, ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà T nộp đơn xin ly hôn với ông V với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông V.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Quốc Khánh, sinh ngày 29/7/2005 và Trần Đại Vỷ, sinh ngày 26/9/2012, hiện cháu Khánh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, cháu Vỷ đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con .

Ông V vắng mặt, không có trình bày ý kiến.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân do Công an xã Nhơn Hội cung cấp thể hiện ông Trần Văn V vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp Bắc Đai, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về tình trạng hôn nhân: Bà Võ Thị Thở – mẹ ruột của bà T cho biết hôn nhân giữa bà T và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông V không quan tâm chăm lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau, hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không thành.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông V có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa bà T và ông V là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của bà T được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay bà T xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là do bất đồng quan điểm, thường hay gây nhau, bỏ mặc nhau, không quan tâm, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại bà T xác định là không còn tình cảm với ông V và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với ông V.

Trong thời gian dài hai người không quan tâm nhau, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông V có 02 con chung tên Trần Quốc Khánh, sinh ngày 29/7/2005 và Trần Đại Vỷ, sinh ngày 26/9/2012, hiện cháu Khánh đã trường thành không yêu cầu giải quyết, cháu Vỷ đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu Vỷ và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này. Quan trọng hơn cháu Vỷ có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T biết: Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có. Do ông V vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông V có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T**

Về hôn nhân: Bà Lương Thị T được ly hôn ông Trần Văn V.

Về con chung: Giao cháu Trần Đại Vỷ, sinh ngày 26/9/2012 cho bà Lương Thị T nuôi dạy. Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông V cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà T. Ngược lại, bà T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009314 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/6/2024) các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi